

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày 12 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Dũng.
2. Ông Trương Sơn Lạng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B’Krông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T – Phó Phòng khách hàng doanh nghiệp – Chi nhánh Ngân hàng N tỉnh Đắc Lắc; địa chỉ: 51 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, (có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V; địa chỉ: 117 thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Kim L; địa chỉ: 117 thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắc Lắc, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trương Thị Mai H, sinh năm 1985.

- Chị Trương Thị Thanh N, sinh năm 1986.
- Anh Trương Thanh S, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị Kim L; địa chỉ: 117 thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đình T trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V (Công ty V) vay của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk (Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201308927 ngày 06/09/2013 với số tiền vay 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng); thời hạn cho vay là 12 tháng; lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay vốn là để kinh doanh lúa gạo; kỳ hạn trả nợ gốc cuối cùng 06/09/2019.

Công ty V có thực hiện các biện pháp bảo đảm để thế chấp cho khoản vay trên, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp số 24022011/TC ngày 24/02/2011, tài sản thế chấp gồm:

+ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.380m² địa chỉ thửa đất tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X646539 ngày 24/3/2004 và tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở và nhà kho: Nhà ở cấp 4, diện tích 144m², kết cấu: mái lợp tôn, tường xây, nền xi măng + gạch men; nhà kho: xây cấp 4, diện tích 988 m² + mái che, diện tích 372m², kết cấu: móng đổ bê tông cốt thép, khung sắt, tường xây bao quanh, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.

+ Thửa đất số 39a, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.940m² địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ516522 ngày 24/01/2006.

+ Thửa đất số 247, tờ bản đồ số 14, diện tích 675m² địa chỉ thửa đất tại buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB517027 ngày 01/8/2005 (thửa đất này đã bán để trả số tiền gốc 700.000.000 đồng theo Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302137 ngày 28/02/2013).

- Hợp đồng đồng thế chấp số 150311/BLTS ngày 15/3/2011, tài sản là Giấy xác nhận quyền sở hữu máy xay xát lúa có xác nhận của UBND xã Đ ngày 28/02/2011.

Công ty V thực hiện hợp đồng và vi phạm hợp đồng, cụ thể:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 5200-LAV-201308927 ký ngày 06/09/2013.

- Số tiền vay: 6.000.000.000 đồng.
- Thời hạn cho vay: 12 tháng.
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ.
- Mục đích vay vốn: Kinh doanh lúa, gạo.
- Kỳ hạn trả nợ gốc: 06/09/2019.

Hợp đồng được giải ngân theo các hợp đồng sau:

- + Số hợp đồng giải ngân: 5200-LDS-201302079.
- + Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng.
- + Lãi suất cho vay: 12,5%/năm.
- + Ngày giải ngân: 27/02/2013.
- + Ngày đến hạn: 12/02/2014 gia hạn nợ đến 06/09/2019.
- +Kỳ hạn trả nợ gốc:

* Kỳ 1 ngày 06/09/2019 trả 2.000.000.000 đồng.

Số tiền gốc đã trả 0 đồng; số tiền lãi đã trả: 58.000.000 đồng.

Đến ngày 12/8/2020 nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 1.890.972.222 đồng; nợ lãi quá hạn 118.402.778 đồng. Tổng cả gốc và lãi còn lại là 3.951.375.000 đồng.

- + Số hợp đồng giải ngân: 5200-LDS-201302080.
- + Số tiền vay: 2.160.000.000 đồng.
- + Lãi suất cho vay: 12,5%/năm.
- + Ngày giải ngân: 27/02/2013.
- + Ngày đến hạn: 27/02/2014, gia hạn đến 06/09/2019.
- + Kỳ hạn trả nợ gốc:

* Kỳ 1 ngày 06/09/2019 trả 2.160.000.000 đồng.

Số tiền gốc đã trả 0 đồng; số tiền lãi đã trả: 62.640.000 đồng.

Đến ngày 12/8/2020 nợ gốc là 2.160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 2.042.250.000 đồng; nợ lãi quá hạn 127.875.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 4.267.485.000 đồng.

- + Số hợp đồng giải ngân: 5200-LDS-201302137
- + Số tiền vay: 840.000.000 đồng.

- + Lãi suất cho vay: 12,0%/năm.
- + Ngày giải ngân: 28/02/2013.
- + Ngày đến hạn: 01/02/2014, gia hạn kỳ cuối đến 06/09/2019.
- + Kỳ hạn trả nợ gốc:
 - * Kỳ 1 ngày 06/09/2015 trả 20.000.000 đồng.
 - * Kỳ 2 ngày 06/09/2016 trả 80.000.000 đồng.
 - * Kỳ 3 ngày 06/09/2017 trả 200.000.000 đồng.
 - * Kỳ 4 ngày 06/09/2018 trả 300.000.000 đồng.
 - * Kỳ 5 ngày 06/09/2019 trả 140.000.000 đồng.

Số tiền gốc đã trả 700.000.000 đồng; số tiền lãi đã trả: 24.080.000 đồng.

Đến ngày 12/8/2020 nợ gốc là 140.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 100.333.333 đồng; nợ lãi quá hạn 7.956.667 đồng. Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 384.370.000 đồng.

- + Số hợp đồng giải ngân: 5200-LDS-201310133.
- + Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng.
- + Lãi suất cho vay: 10,5%/năm.
- + Ngày giải ngân: 06/09/2013.
- + Ngày đến hạn: 06/09/2014, gia hạn đến 06/09/2019.
- + Kỳ hạn trả nợ gốc:
 - Kỳ 1 ngày 06/09/2019 trả 1.000.000.000 đồng.

Số tiền gốc đã trả 0 đồng; số tiền lãi đã trả: 0 đồng.

Đến ngày 12/8/2020 nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 738.500.000 đồng; nợ lãi quá hạn 49.729.167 đồng. Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 1.788.229.167 đồng.

Công ty V làm ăn và vay của ngân hàng nhiều lần mỗi lần vay lại, công ty và ngân hàng lại thỏa thuận dùng tài sản bảo đảm cho các khoản vay trước để bảo đảm cho các khoản vay tiếp theo. Vì vậy, hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201308927 ký ngày 06/09/2013 với số tiền vay 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng), công ty V vẫn dùng tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 24022011/TC ngày 24/02/2011 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản (không gắn liền với quyền sử dụng đất) số 150311/BLTS ngày 15/3/2011 để bảo đảm cho khoản vay trên (Đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 247, tờ bản đồ số 14, diện tích 675m² địa chỉ thửa đất tại buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB517027 ngày 01/8/2005 theo hợp đồng thế chấp số

24022011/TC ngày 24/02/2011 thì Ngân hàng đã bán tài sản trên trả nợ được 700.000.000 đồng, tiền lãi 24.080.000 đồng theo Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302137 ngày 28/02/2013).

Công ty V đã vi phạm hợp đồng tín dụng, nhà máy đã dừng hoạt động nhưng không thanh toán toàn bộ số tiền vay của hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc công ty trả nợ nhưng Công ty V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã ký trong hợp đồng tín dụng và cũng không đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý nợ.

Nay, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 10.536.179.167 đồng (mười tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu một trăm mười chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng); trong đó, nợ gốc là 5.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.932.215.556 đồng; nợ lãi quá hạn là 303.963.611 đồng (lãi tính đến ngày 12/8/2020). Tiếp tục tính lãi quá hạn theo theo Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201308927 ngày 06/09/2013 được giải ngân theo Hợp đồng số 5200-LDS-201302079 ngày 27/02/2013, Hợp đồng số 5200-LDS-201302080 ngày 27/02/2013, Hợp đồng số 5200-LDS-201302137 ngày 28/02/2013, Hợp đồng số 5200-LDS-201310133 ngày 06/9/2013 đối với số tiền gốc 5.300.000.000 đồng kể từ ngày 13/8/2020 cho đến khi Công ty V trả xong số nợ trên. Trường hợp Công ty V không thanh toán nợ, ngân hàng sẽ thanh lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay theo quy định. Nếu giá trị tài sản bảo đảm không thu hồi đủ nợ thì Công ty V tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi xong nợ.

Qua bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V, bà Mai Thị Kim L trình bày:

Công ty V do bà Mai Thị Kim L là người đại diện theo pháp luật đã vay của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201308927 ký ngày 06/09/2013 với số tiền vay 6.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 12 tháng; lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay vốn là để kinh doanh lúa gạo; kỳ hạn trả nợ gốc cuối cùng 06/09/2019. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, bị khách hàng lừa dối nên công ty không hoạt động từ năm 2013 đến nay. Đến hạn trả nợ, ngân hàng có gia hạn thời hạn trả nợ cho Công ty đến ngày 06/9/2019, tuy nhiên Công ty mới chỉ trả cho Ngân hàng được 700.000.000 đồng tiền gốc và 144.720.000 đồng tiền lãi (số tiền trên ngân hàng đã bán thửa đất số 247, tờ bản đồ số 14, diện tích 675m² địa chỉ thửa đất tại buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB517027 ngày 01/8/2005 theo hợp đồng thế chấp số 24022011/TC ngày 24/02/2011 để trả số tiền gốc 700.000.000 đồng theo Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302137 ngày 28/02/2013). Hiện nay còn nợ lại của Ngân hàng số tiền nợ

gốc là 5.300.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì bà L không đồng ý vì ngân hàng đã phát mãi tài sản lần một, tại thời điểm này Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V đã tuyên bố phá sản nên ngân hàng mới bán một trong ba tài sản mà bà L đã thế chấp; bà L cũng không đồng ý tiền lãi phát sinh và tiền lãi tiếp tục từ ngày kể từ ngày 13/8/2020 cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V thanh toán xong số nợ trên.

Ngày 17/02/2020 ông Trương Văn T là chồng bà L đã chết, các con là Trương Thị Mai H, Trương Thị Thanh N và Trương Thanh S đã ủy quyền cho bà L được quyền quyết định, xử lý mọi vấn đề liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp và quyết định các vấn đề khác để giải quyết xong vụ án này.

Hiện nay Công ty V không còn hoạt động nên bà L đồng ý giao tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 24022011/TC ngày 24/02/2011 gồm:

1. Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.380m² địa chỉ thửa đất tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X646539 ngày 24/3/2004. Tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở và nhà kho: Nhà ở cấp 4, diện tích 144m², kết cấu: mái lợp tôn, tường xây, nền xi măng và gạch men; nhà kho: xây cấp 4, diện tích 988 m² và mái che, diện tích 372m², kết cấu: móng đổ bê tông cốt thép, khung sắt, tường xây bao quanh, mái lợp tôn, nền đổ bê tông;

2. Tài sản thế chấp là thửa đất số 39a, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.940m² địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ516522 ngày 24/01/2006;

3. Tài sản thế chấp là 01 dây chuyền máy xay xát lúa theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản (không gắn liền với quyền sử dụng đất) số 150311/BLTS ngày 15/3/2011 cho Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. Dây chuyền máy xay xát lúa gồm các tài sản sau:

Số thứ tự	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy xát trắng gạo	Cái	02
2	Băng tải	Cái	01
3	Máy tách trấu	Cái	01
4	Gầu tải chuyển gạo	Cái	14
5	Hệ thống quạt hút bụi tổng	Hệ thống	02
6	Hệ thống quạt hút bụi cho từng máy	Hệ thống	04
7	Bồn chứa gạo 20m ³	Cái	02

8	Máy lau bóng gạo	Cái	01
9	Cối đá	Cái	03
10	Máy bóc vỏ lúa	Cái	03
11	Cối nghiền	Cái	03
12	Sàng lọc sạn gạo nhỏ	Cái	01
13	Sàng lọc sạn gạo lớn	Cái	01
14	Sàng đảo 120 lỗ	Cái	02
15	Sàng đảo tách lúa và gạo	Cái	04
16	Sàng đảo và chống chọn	Cái	01
17	Hệ thống tủ điều khiển và dây cáp điện	Hệ thống	01
18	Trạm biến áp	Hệ thống	01
19	Trạm cân điện tử	Hệ thống	01
20	Thiết bị cân chỉnh độ chụm bánh xe	Cái	01

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Mai H, chị Trương Thị Thanh N và anh Trương Thanh S: Các tài sản mà bà Mai Thị Kim L đã thế chấp cho ngân hàng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà máy xay xát lúa; anh, chị đồng ý giao cho bà L toàn quyền xử lý. Bà L được toàn quyền quyết định để giải quyết vụ án, mọi ý kiến, quyết định của bà L là ý kiến, quyết định của anh, chị.

Ngày 17/6/2020 Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Ngày 19/6/2020 bà L có văn bản thay đổi nội dung thỏa thuận với nội dung: Không chấp nhận tiền án phí với số tiền là 59.193.000 đồng (năm mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng); không chấp nhận tiền lãi kể từ ngày ngân hàng phát mãi tài sản lần 01 vì tại thời điểm này Công ty V đã tuyên bố phá sản nên ngân hàng mới bán một trong ba tài sản mà bà L đã thế chấp; không đồng ý tiền lãi phát sinh và tiền lãi kể từ ngày 18/6/2020 cho đến khi Công ty V thanh toán xong số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý vụ án về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu Vạn Thành Đắk Lắk là đúng quy định tại Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 348, Điều 351, Điều 355

Bộ Luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hòa giải và chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk số tiền 10.536.179.167 đồng (mười tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu một trăm mười chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng); trong đó, nợ gốc là 5.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.932.215.556 đồng; nợ lãi quá hạn là 303.963.611 đồng (lãi tính đến ngày 12/8/2020), tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký.

- Về án phí: Công ty V phải chịu 118.536.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V, địa chỉ tại 117 thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về dân sự. Tuy nhiên, tại hợp đồng tín dụng thể hiện Ngân hàng cho Công ty V vay mục đích là để kinh doanh lúa gạo. Giao dịch giữa các bên đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ và yêu cầu được quyền xử lý tài sản đảm bảo. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201308927 ngày 06/09/2013; Phụ lục Hợp đồng số 014/PLHD ngày 04/9/2014 đối với các Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302079 ngày 27/02/2013, Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302080 ngày 27/02/2013, Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302137 ngày 28/02/2013, Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201310133 ngày 06/9/2013; Hợp đồng thế chấp số 24022011/TC ngày

24/02/2011 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản (không gắn liền với quyền sử dụng đất) số 150311/BLTS ngày 15/3/2011. Bà L thừa nhận Công ty V vay số tiền theo các hợp đồng và thế chấp tài sản như các hợp đồng trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 5.300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ. Bị đơn thừa nhận còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc trên. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 5.300.000.000 đồng.

[5] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ lãi. Lãi tính đến ngày 12/8/2020, nợ lãi trong hạn là 4.932.215.556 đồng, nợ lãi quá hạn là 303.963.611 đồng; tiếp tục tính lãi quá hạn theo hợp đồng và các giấy nhận nợ kể từ ngày 13/8/2020 cho đến khi Công ty V trả xong số nợ trên. Xét thấy trong hợp đồng cho vay, các hợp đồng giải ngân, các đương sự thỏa thuận việc trả lãi và mức lãi suất vay nên bên vay phải trả lãi như đã thỏa thuận theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Công ty V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302079 ngày 27/02/2013, nợ gốc 2.000.000.000 đồng.

- + Lãi trong hạn 12,5% từ ngày 27/02/2013 đến ngày 12/8/2020 (2723 ngày) là 1.890.972.222 đồng.

- + Lãi quá hạn 6,25% từ ngày 06/9/2019 đến 12/8/2020 (341 ngày) là 118.402.778 đồng.

Lãi đã trả 58.000.000 đồng, lãi còn phải trả là 1.951.375.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 3.951.375.000 đồng.

- Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302080 ngày 27/02/2013, nợ gốc 2.160.000.000 đồng.

- + Lãi trong hạn 12,5% từ ngày 27/02/2013 đến ngày 12/8/2020 (2723 ngày) là 2.042.250.000 đồng.

- + Lãi quá hạn 6,25% từ ngày 06/9/2019 đến 12/8/2020 (341 ngày) là 127.875.000 đồng.

Lãi đã trả 62.640.000 đồng, lãi còn phải trả là 2.107.485.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 4.267.485.000 đồng.

- Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201302137 ngày 28/02/2013, nợ gốc 840.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn 12% đối với số tiền gốc 840.000.000 đồng từ ngày 28/02/2013 đến ngày 23/9/2014 (572 ngày) là 160.160.000 đồng.

+ Lãi trong hạn 12% đối với số tiền gốc 140.000.000 đồng từ ngày 23/9/2014 đến ngày 12/8/2020 (2150 ngày) là 100.333.333 đồng.

+ Lãi quá hạn 6% đối với số tiền gốc 140.000.000 đồng từ ngày 06/9/2019 đến 12/8/2020 (341 ngày) là 7.956.667 đồng.

Gốc đã trả 700.000.000 đồng, lãi đã trả 24.080.000 đồng, lãi còn phải trả là 244.370.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 384.370.000 đồng.

- Hợp đồng giải ngân số 5200-LDS-201310133 ngày 06/9/2013, nợ gốc 1.000.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn 10,5% từ ngày 06/9/2013 đến ngày 12/8/2020 (2532 ngày) là 738.500.000 đồng.

+ Lãi quá hạn 5,25% từ ngày 06/9/2019 đến 12/8/2020 (341 ngày) là 49.729.167 đồng.

Lãi đã trả 0 đồng, lãi còn phải trả là 788.229.167 đồng.

Tổng cả gốc và lãi còn nợ là 1.788.229.167 đồng

[6] Như vậy, tổng nợ gốc còn nợ là 5.300.000.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 4.932.215.556 đồng, tổng lãi quá hạn là 303.963.611 đồng. Tổng số tiền Công ty V còn phải trả cho ngân hàng là 10.536.179.167 đồng (Mười tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu một trăm mười chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

[7] Bị đơn không chấp nhận tiền lãi kể từ ngày ngân hàng phát mãi tài sản lần một vì tại thời điểm này Công ty V đã tuyên bố phá sản nên ngân hàng mới bán một trong ba tài đã thế chấp. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đều thừa nhận bị đơn chỉ tuyên bố với Ngân hàng là Công ty V phá sản thôi, chứ thực tế Công ty chưa làm thủ tục phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật Phá sản. Bị đơn cũng không đồng ý trả tiền lãi và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 13/8/2020 cho đến khi Công ty V thanh toán xong số nợ trên. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận hiện nay còn nợ ngân hàng số tiền gốc 5.300.000.000 đồng như các hợp đồng đã giải ngân, các hợp đồng trên chưa thực hiện xong, do vậy Công ty V còn phải tiếp tục thực hiện các hợp đồng trên cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

[8] Tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay là bảo đảm bằng tài sản. Tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp số 24022011/TC ngày 24/02/2011 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản (không gắn liền với quyền sử dụng đất) số 150311/BLTS ngày 15/3/2011 các bên thỏa thuận tài sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín

dụng đúng như nguyên đơn đã trình bày và quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm nợ gốc, nợ lãi. Bà L đồng ý giao các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng xử lý để thu hồi nợ. Do đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[9] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 112.000.000 đồng + (10.536.179.167 đồng - 4.000.000.000 đồng) x 0,1% = 118.536.000 đồng (Đã làm tròn).

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 348, Điều 351, Điều 355 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk số tiền 10.536.179.167 đồng (Mười tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu một trăm mười chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng); trong đó, nợ gốc là 5.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.932.215.556 đồng, nợ lãi quá hạn là 303.963.611 đồng (lãi tính đến ngày 12/8/2020).

Tiếp tục tính lãi quá hạn theo theo Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201308927 ngày 06/09/2013 được giải ngân theo Hợp đồng số 5200-LDS-201302079 ngày 27/02/2013, Hợp đồng số 5200-LDS-201302080 ngày 27/02/2013, Hợp đồng số 5200-LDS-201302137 ngày 28/02/2013, Hợp đồng số 5200-LDS-201310133 ngày 06/9/2013 đối với số tiền gốc 5.300.000.000 đồng kể từ ngày 13/8/2020 cho đến khi Công ty V trả xong số nợ trên.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp, gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 444, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.380m² địa chỉ thửa đất tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X646539 ngày 24/3/2004 và tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở và nhà kho:

+ Nhà ở cấp 4 diện tích 144m²; kết cấu mái lợp tôn, tường xây, nền xi măng + gạch men.

+ Nhà kho xây cấp 4, diện tích 988 m² + mái che, diện tích 372m²; kết cấu móng đổ bê tông cốt thép, khung sắt, tường xây bao quanh, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 39a, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.940m² địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ516522 ngày 24/01/2006.

- 01 dây chuyền máy xay xát lúa gồm các tài sản sau:

Số thứ tự	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy xát trắng gạo	Cái	02
2	Băng tải	Cái	01
3	Máy tách trấu	Cái	01
4	Gầu tải chuyển gạo	Cái	14
5	Hệ thống quạt hút bụi tổng	Hệ thống	02
6	Hệ thống quạt hút bụi cho từng máy	Hệ thống	04
7	Bồn chứa gạo 20m ³	Cái	02
8	Máy lau bóng gạo	Cái	01
9	Cối đá	Cái	03
10	Máy bóc vỏ lúa	Cái	03
11	Cối nghiền	Cái	03
12	Sàng lọc sạn gạo nhỏ	Cái	01
13	Sàng lọc sạn gạo lớn	Cái	01
14	Sàng đảo 120 lỗ	Cái	02

15	Sàng đảo tách lúa và gạo	Cái	04
16	Sàng đảo và chống chọn	Cái	01
17	Hệ thống tủ điều khiển và dây cáp điện	Hệ thống	01
18	Trạm biến áp	Hệ thống	01
19	Trạm cân điện tử	Hệ thống	01
20	Thiết bị cân chỉnh độ chụm bánh xe	Cái	01

2. Về án phí:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu V phải nộp 118.536.000 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại 58.824.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013627 ngày 04/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Tâm